TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 265/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 30 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2026/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn**: chị Phạm Thị N, sinh năm 1994
Số định danh cá nhân: [redacted]
Nơi ĐKTT: thôn N, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: anh Trần Văn B, sinh năm 1989
Số định danh cá nhân: [redacted]
Nơi ĐKTT: thôn N, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luậttố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: chị Phạm Thị N và anh Trần Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị N và anh Trần Văn B thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Phạm Thị N và anh Trần Văn B thống nhất có hai con

chung là Trần Thiên P, sinh ngày 19/9/2016 và Trần Phạm Mai L, sinh ngày 13/7/2019. Hai bên thỏa thuận: chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Phạm Mai L; anh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thiên P. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: chị Phạm Thị N và anh Trần Văn B tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Phạm Thị N và anh Trần Văn B thống nhất: chị N chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị N phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0002329 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị N được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyềnyêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Định Hòa, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án,VP.

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 8

DH300626.TL.QDBA
875

Trịnh Xuân Tùng